

Số: *33* /2019/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *27* tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên,

Xét Tờ trình số 1421/TTr-SNV ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng, bố trí chức danh cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 23 người;
- b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 21 người;
- c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 19 người.

Đối với xã, phường, thị trấn đã bố trí Trường công an xã là Công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định nêu trên giảm 01 người.

2. Bố trí các chức danh cán bộ, công chức cấp xã

a) Cán bộ cấp xã

Mỗi chức danh cán bộ cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ được bố trí tối đa 01 người đảm nhiệm, riêng chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí theo số lượng quy định Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân. Tiếp tục thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Thực hiện thí điểm mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ở những nơi có đủ điều kiện.

b) Công chức cấp xã

Đối với các chức danh công chức: Trường Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy), Chỉ huy Trường Quân sự được bố trí 01 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Các chức danh công chức còn lại bao gồm: Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường (đối với xã) được bố trí tối đa không quá 02 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Điều 2. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Số lượng

- a) Cấp xã loại 1 tối đa 12 người;
- b) Cấp xã loại 2, loại 3 tối đa 10 người.

2. Chức danh

- a) Đối với cấp xã loại 1, gồm các chức danh sau:

Người giúp việc cho Đảng ủy (được bố trí tối đa 02 người); Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy); Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

- b) Đối với cấp xã loại 2, loại 3, gồm các chức danh sau:

Người giúp việc cho Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy); Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội người cao tuổi.

3. Mức phụ cấp

- a) Chức danh: Người giúp việc cho Đảng ủy; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh. Mỗi chức danh được hưởng mức phụ cấp 1,4 so với mức lương cơ sở.

- b) Chức danh: Phó trưởng Công an; Phó Chỉ huy trưởng Quân sự. Mỗi chức danh được hưởng mức phụ cấp 1,7 so với mức lương cơ sở.

Điều 3. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Số lượng: Mỗi thôn, bản, tổ dân phố không quá 03 người.

2. Chức danh:

- a) Bí thư chi bộ;
- b) Trưởng thôn, bản hoặc tổ trưởng tổ dân phố;
- c) Trưởng Ban công tác Mặt trận.

3. Mức phụ cấp

- a) Chức danh: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản hoặc tổ trưởng tổ dân phố. Mỗi chức danh được hưởng mức phụ cấp hệ số 1,4 so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản, đội có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, bản, đội thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản, đội thuộc xã thuộc xã biên giới); hưởng mức phụ cấp hệ số 1,3 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

b) Chức danh: Trưởng Ban công tác Mặt trận được hưởng mức phụ cấp hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản, đội có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, bản, đội thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản, đội thuộc xã thuộc xã biên giới); hưởng mức phụ cấp hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

Điều 4. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, mức khoán: 7.000.000 đồng/năm.

2. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, mức khoán: 5.000.000 đồng/năm.

3. Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, mức khoán: 5.000.000 đồng/năm.

4. Hội Nông dân cấp xã, mức khoán: 5.000.000 đồng/năm.

5. Hội Cựu chiến binh cấp xã, mức khoán: 5.000.000 đồng/năm.

Điều 5. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố

1. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố là 50.000 đồng/buổi/người.

2. Căn cứ vào các khoản thu từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể tùy theo tình hình cụ thể trên địa bàn để thực hiện việc chi trả tiền bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân theo đúng quy định.

Điều 6. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Đối với việc kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức cấp thực hiện theo Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

2. Đối với việc kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, bản, tổ dân phố thực hiện như sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm người hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố mà giảm được 01 người trong số lượng quy định thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm 50% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp chức danh cao nhất.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được hưởng chế độ như quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 92/2009/NĐ-CP.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ:

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Quyết định này và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương có liên quan.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí, quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố theo quy định.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào số lượng quy định và nhu cầu cần thiết để xây dựng phương án và tổ chức tuyển dụng tuyển dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã đảm bảo quy định hiện hành.

d) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố theo các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ cân đối ngân sách để thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và Quyết định này. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức; số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định hiện hành. Thực hiện chế độ chính sách liên quan và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, tổ dân phố đối dư do bố trí, sắp xếp. Xây dựng kế hoạch để đảm bảo thực hiện đúng số lượng quy định tại Quyết định này theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định này về Ủy ban nhân dân tỉnh

(qua Sở Nội vụ tổng hợp) để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời các nội dung có liên quan.

Điều 9. Thời gian áp dụng

Các chế độ chính sách quy định tại Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và mức khoán kinh phí cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã do Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

b) Đối với mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố nguồn từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

Điều 11. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~07~~.tháng ~~10~~.năm 2019 và thay thế Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 2 và Điều 8 Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /~~2~~

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh
- Các Đ/c Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 12;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mù A Sơn